

Bản án số: 77/2025/DS-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Ông Mai Khắc Tiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Trụ sở chính: Tòa nhà T, số A T, phường T, thành phố T (nay là phường A), thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trọng T1, chức vụ: Giám đốc P1. (Theo văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024)

Đại diện theo ủy quyền lại: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1995 và anh Dương Đức L, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Số K V, KP7, phường T, Thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền số 436/2025/UQ-OCB ngày 02/6/2025)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, huyện T (nay là xã D), tỉnh Đồng Nai.

(Anh Đ có mặt; bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2025, các lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng TMCP P (do anh Nguyễn Anh Đ đại diện) trình bày:

Bà Trần Thị Kim H đã ký Hợp đồng tín dụng số BH0300/2024/HĐTD-OCB-CN ngày 02/7/2024; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BH0300/2024/PLHĐTD ngày 23/7/2024 và Khế ước nhận nợ số BH0300/2024/KUNN-OCB-CN ngày 03/7/2024 với Ngân hàng TMCP P (sau đây viết tắt là Ngân hàng) để vay vốn, chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 1.730.000.000đ (Một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng);
- Mục đích vay: Mua bất động sản;
- Thời hạn vay: 240 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8,6%/năm, lãi suất có điều chỉnh;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số BH0300.01/2024/BĐ ngày 23/7/2024 giữa Ngân hàng với bà H, số công chứng 002010, tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1278, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã S, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 591653 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ cấp ngày 15/7/2024 đứng tên bà Trần Thị Kim H. Tài sản bảo đảm đã được đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H đã thực hiện trả gốc và lãi cho Ngân hàng tổng số tiền là 109.385.187 đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 38.201.111 đồng và số tiền nợ lãi là 71.184.076 đồng. Từ ngày 29/3/2025 đến nay, bà H đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay bà H vẫn không thanh toán.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 1.856.414.615 đồng; trong đó, số tiền nợ gốc là 1.691.798.889 đồng, số tiền nợ lãi là 164.615.726 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 30/9/2025 cho đến khi bà H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Nếu bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số BH0300.01/2024/BĐ ngày 23/7/2024 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

Trường hợp đã xử lý hết tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn chưa thu hồi hết khoản nợ của bà H thì bà H tiếp tục phải có trách nhiệm thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ngân hàng yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán lại khoản chi phí này cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Theo Biên bản lấy lời khai đề ngày 26 tháng 8 năm 2025, bị đơn - bà Trần Thị Kim H trình bày:

Bà Trần Thị Kim H thừa nhận ngày 02/7/2024 bà có ký Hợp đồng tín dụng số BH0300/2024/HĐTD-OCB-CN ngày 02/7/2024; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BH0300/2024/PLHĐTD ngày 23/7/2024 và Khế ước nhận nợ số BH0300/2024/KUNN-OCB-CN ngày 03/7/2024 với Ngân hàng TMCP P để vay số tiền 1.730.000.000đ (Một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) mua bất động sản với thời hạn vay là 240 tháng; Lãi suất cho vay là 8,6%/năm, lãi suất có điều chỉnh; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H thừa nhận đã trả được cho Ngân hàng được số tiền là 109.385.187 đồng. Tuy nhiên do tình hình kinh tế khó khăn nên bà không thể tiếp tục việc thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số BH0300.01/2024/BĐ ngày 23/7/2024 giữa bà với Ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1278, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã S, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 591653 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ cấp ngày 15/7/2024 cho bà Trần Thị Kim H. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật. Hiện nay tài sản thế chấp do bà H quản lý sử dụng, hiện trạng đất trống không có tài sản gì trên đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H thừa nhận tính đến ngày 05/8/2025 tổng số tiền bà nợ của Ngân hàng là 1.825.200.543 đồng và đồng ý thanh toán số nợ này theo như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trường hợp bà H không thanh toán được nợ thì bà H đồng ý tiếp tục sử dụng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên để đảm bảo cho khoản nợ.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ kiện.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ (gốc và lãi) tính đến ngày 29/9/2025 là 1.856.414.615

đồng.

Trường hợp bà Trần Thị Kim H không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1278, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã S, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 591653 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ cấp ngày 15/7/2024 đứng tên bà Trần Thị Kim H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T (nay là xã D), tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ kiện theo thủ tục chung.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên từ ngày 02/7/2024, khế ước nhận nợ ngày 03/7/2024 với thời hạn vay là 24 tháng. Ngày 29/3/2025, do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 02/6/2025 Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số BH0300/2024/HĐTD-OCB-CN ngày 02/7/2024; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BH0300/2024/PLHĐTD ngày 23/7/2024; Khế ước nhận nợ số BH0300/2024/KUNN-OCB-CN ngày 03/7/2024; Hợp đồng thế chấp số BH0300.01/2024/BĐ ngày 23/7/2024 ... Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn nhất trí đối với các tài liệu này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện,*

tài liệu, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, do đó đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Xét yêu cầu thanh toán nợ (gốc và lãi)*: Ngày 03/7/2024, Ngân hàng cho bà H vay số tiền là 1.730.000.000đ (Một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) để mua bất động sản với thời hạn vay là 240 tháng; Lãi suất cho vay là 8,6%/năm, lãi suất có điều chỉnh; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Các bên khi tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên và thỏa thuận về nội dung của hợp đồng ghi rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, thời hạn thanh toán. Như vậy, điều kiện về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, vì vậy các bên tham gia giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H mới chỉ thanh toán được tổng số tiền là 109.385.187 đồng, trong đó: nợ gốc là 38.201.111 đồng và nợ lãi là 71.184.076 đồng. Từ ngày 29/3/2025, bà H không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác nên đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn.

Lời khai của nguyên đơn về quá trình thỏa thuận và thực hiện hợp đồng tín dụng, theo quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 1.691.798.889 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ với tổng số tiền 1.856.414.615 đồng là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán nợ theo như yêu cầu của Ngân hàng nên ghi nhận (BL 149-150).

[3.2] *Xét Hợp đồng thế chấp*: Hợp đồng thế chấp số BH0300.01/2024/BĐ ngày 23/7/2024 được ký kết giữa các bên đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1278, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã S, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 591653 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ cấp ngày 15/7/2024 đứng tên bà Trần Thị Kim H và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh T2.

Bà H là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bảo đảm trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc thế chấp hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, hợp đồng thế chấp được lập bằng văn bản các bên chủ thể tham gia giao kết là người có thẩm quyền, cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xử lý tài sản nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, căn cứ quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự bà H phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền chi phí tố tụng này cho Ngân hàng.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 117, 119, 292, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP P, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn - bà Trần Thị Kim H.

1. Buộc bà Trần Thị Kim H thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 1.856.414.615đ (Một tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm mười lăm đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 1.691.798.889đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) và số tiền nợ lãi 164.615.726đ (Một trăm sáu mươi tư triệu sáu trăm mười lăm nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1278, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại xã S, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 591653 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ cấp ngày 15/7/2024 đứng tên bà Trần Thị Kim H.

Trường hợp đã xử lý hết tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn chưa thu hồi hết khoản nợ của bà H thì bà H tiếp tục phải có trách nhiệm thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị Kim H phải chịu số tiền 67.692.438đ (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.610.391đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm mười nghìn ba trăm chín mươi một đồng) theo biên lai thu số 0018688 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

- *Về chi phí tố tụng*: Buộc bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP P chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang